

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2021/HS-ST  
Ngày: 05/10/2021

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Nguyễn Thái Hoà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ*** tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2021, tại trụ Tòa án Nhân dân thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 437/2021/HSST ngày 28/07/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2021/QĐXXST-HS ngày 04/08/2021; Thông báo dời lịch mở phiên tòa số 1065/TB-TA ngày 31/08/2021 và số 1009/TB-TA ngày 16/09/2021 đối với bị cáo:

**Kiều Văn Ch;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1994; Nơi sinh: tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên cha: Kiều Văn C, sinh năm: 1974, còn sống. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1975, còn sống. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 19/9/2016, bị Tòa án Nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 08 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”. (hiện chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/4/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B, tỉnh Đ.

- **Bị hại:** Chị Trịnh Thị Bích L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 125/622, Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

Nơi ở hiện nay: 738/37/3, Khu phố 7, phường Tam Hiệp, Thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị cáo Ch và bị hại Trịnh Thị Bích L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11h30 phút ngày 16/4/2021, Kiều Văn **Ch** phát hiện ngoài hành lang của dãy trọ mình đang ở thuộc nhà trọ số 33B, tổ 1, Khu phố 6, phường Long Bình, Thành phố **B**, tỉnh **D** có dựng 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F2-059.05 của chị Trịnh Thị Bích **L**, xe không khóa cổ và không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định trên, **Ch** lén lút dắt chiếc xe của chị **L** ra ngoài đường, sau đó đấu dây điện làm nổ máy xe rồi điều khiển xe mang đi cầm đồ được số tiền 4.500.000đ tiêu xài hết. Cùng ngày, sau khi phát hiện mất xe, chị **L** đã trình báo công an, qua rà soát hệ thống camera phát hiện được hành vi nói trên của **Ch**, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố **B** đã bắt giam đối với **Ch** để điều tra và xử lý theo pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- Xe mô tô bị mất không thu hồi được.
- 01 tua vít dài khoảng 15cm, sau khi **Ch** sử dụng để đấu nguồn điện nhằm nổ máy xe, **Ch** đã vứt bỏ trên đường nên không thu hồi được.
- 01 thiết bị lưu trữ (USB) do anh Đào Công **V** giao nộp, có lưu trữ file ghi hình **L** quan đến hành vi trộm cắp tài sản của **Ch**, được lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 181/KL-HĐĐGTS ngày 26/04/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố **B** kết luận 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F2-059.05 đã qua sử dụng, có tổng giá trị là 29.700.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại là chị Trịnh Thị Bích **L** yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 29.700.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng) là giá trị chiếc xe theo giá trị định giá. Hiện bị cáo chưa bồi thường. Đồng thời về phần hình phạt đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 451/CT/VKS-BH ngày 27/07/2021, Viện kiểm sát **Nh** dân thành phố **B** đã truy tố bị cáo Kiều Văn **Ch** về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 173, khoản 1 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát **Nh** dân thành phố **B** giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo **Ch** về tội danh “Trộm cắp tài sản”; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Kiều Văn **Ch** mức án tù: 01 năm 06 tháng tù giam đến 02 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung **Ch** khai sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo đã mang xe đến cầm cho anh Trịnh Hồng **Nh**, sinh năm 1976, ngụ tại 383, tổ 4, KP5,

phường Long Bình, thành phố **B**, tỉnh **D** là chủ tiệm bán ve chai. Tuy nhiên quá trình điều tra anh **Nh** không thừa nhận, chưa đủ căn cứ để kết luận anh **Nh** có **L** quan đến tài sản bị mất do đó Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai bị hại, người làm chứng có tại hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố **B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát **Nh** dân Thành phố **B**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Kiều Văn **Ch** có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Nhà tạm giữ công an Thành phố **B**. Việc làm đơn của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo **Ch**.

Người bị hại là chị Trịnh Thị Bích **L** có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt chị **L**.

[2]. Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết **L** quan đến việc quyết định hình phạt:

Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo **Ch** thống nhất với nội dung Bản cáo trạng mô tả hành vi phạm tội của mình, theo đó, hồ sơ đã thể hiện vào khoảng 11h30 phút ngày 16/04/2021, khi phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F2-059.05 của chị Trịnh Thị Bích **L** đang dựng tại dãy nhà trọ mình đang ở không khóa cổ, không người trông coi, nên bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe nói trên mang đi cầm được 4.500.000đ tiêu xài cá **Nh** hết. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì chiếc xe bị mất của chị **L** có giá trị là 29.700.000đ. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Ch** đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố và bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa ngày hôm nay.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Kiều Văn **Ch** là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ,

gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng **Nh** dân. Bản thân bị cáo **Ch** là một thanh niên đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động, để nuôi sống bản thân. Tuy nhiên, vì lòng tham cá **Nh** và muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Trịnh Thị Bích **L** rồi đem đi tiêu thụ với giá rẻ để lấy tiền phục vụ việc sinh hoạt cá **Nh**. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này, bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản” nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, điều đó cho thấy bị cáo là đối tượng rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, khó cải tạo, giáo dục để trở thành công dân có ích cho xã hội. Sau khi phạm tội, tài sản không hu hồi được và bản thân bị cáo cũng chưa bồi thường được một khoản tiền nào cho người bị hại. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người bị hại chị Trịnh Thị Bích **L** yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 29.700.000đ (Hai mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng), hiện bị cáo cũng chưa bồi thường. Xét yêu cầu này của chị **L** là chính đáng và đúng quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Về phần trách nhiệm hình sự chị đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

[4]. Về vật chứng của vụ án là 01 thiết bị lưu trữ (USB) do anh Đào Công **V** giao nộp, có lưu rữ file ghi hình **L** quan đến hành vi trộm cắp tài sản của **Ch**, được lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo **Ch** phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.485.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kiều Văn **Ch** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về áp dụng điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; [điểm c khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình](#)

sự Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội](#).

- Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Kiều Văn **Ch**: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 27/04/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Kiều Văn **Ch** phải bồi thường cho chị Trịnh Thị Bích **L** số tiền 29.700.000đ (Hai mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

-Về vật chứng của vụ án là 01 thiết bị lưu trữ (USB) do anh Đào Công **V** giao nộp, có lưu rữ file ghi hình **L** quan đến hành vi trộm cắp tài sản của **Ch**, được lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án

- Về án phí: [Buộc bị cáo Kiều Văn \*\*Ch\*\* phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.485.000đ án phí dân sự sơ thẩm](#).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh **Đ** (1);
- Viện kiểm sát **Nh** dân TP.**B** (2);
- Công an TP.**B** (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thiều Thị Phi Loan    Trần Chính**

**Đồng Thị Hồng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm Nh dân**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ .... ngày 11 tháng 7 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố B, tỉnh D.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm Nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Diễn và bà Trương Thị Thìn

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 06 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

- **Thạch Thương (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp Vinh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- **Phan Trí Hải (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp Long Đức 3, xã Tam Phước; thành phố B, tỉnh D

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thạch Thương và Phan Trí Hải phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2 Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015,

sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội](#).

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thạch Thương: .....tù.  
Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Xử phạt bị cáo Phan Trí Hải: .....tù.  
Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc Linh xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Yamaha biển số 60U7-4138, được hai bị cáo Thương và Hải sử dụng đi cướp giật tài sản, Hải khai mượn của một người tên Tuấn (chưa rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa rõ chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm](#).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ..... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh **Đ** (1);
- Viện kiểm sát **Nh** dân TP.**B** (2);
- Công an TP.**B** (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**



Số:11/2018/HSST-QĐ

B, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH  
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:<sup>(4)</sup>***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Hồng

***Các Hội thẩm Nhân dân:*** Ông Trần Văn Chánh và bà Nguyễn Thị Nhạn

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm Quốc Cường đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh Tuấn và anh Cường cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện gây án bị cáo khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn Phú** (Tên gọi khác: Hiền); Sinh năm 1989;

Bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát **Nh** dân thành phố **B**.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

**Nơi nhận:**

- VKS TP.**B** (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



